

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đậu Thị Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Bà Nguyễn Kim Lý.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 340/2024/TLST-HNGĐ09 tháng 4 năm 2024 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Hồng M**, sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: **Xóm Đ, xã P, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh**. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Duy N**, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: **Khu phố T, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương**.

Hiện đang chấp hành án tại: **P, trại Giam P - Cục C- Bộ C1**, thuộc **xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương**. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02/04/2024, bản tự khai đề ngày 16/4/2024, nguyên đơn bà **Bùi Hồng M** trình bày:*

Bà và ông **N** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **A, thị xã B (nay là phường A, thành phố B), tỉnh Bình Dương** vào ngày 21/3/2018. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khi về sống chung với nhau một thời gian thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn là do vợ chồng tôi bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau hay gây gổ dẫn đến cãi vã nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông **N** hay ghen tuông, xúc phạm bà. Hiện vợ chồng tôi đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân khoảng 4 đến 5 năm nay. Hiện nay ông **N** phạm tội và đang chấp hành án **trại Giam P - Cục C - Bộ C1**, thuộc **xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương**.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **M** yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông **N**.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Duy N đã được Tòa án lấy lời khai hợp lệ tại trại giam P- Cục C – Bộ C1, ông N trình bày:**

Ông và bà **M** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **A, thị xã B (nay là phường A, thành phố B), tỉnh Bình Dương**. Hôn nhân giữa ông và bà **M** là hoàn toàn tự nguyện, việc kết hôn đúng pháp luật.

Vợ chồng sau khi cưới chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó bất đồng quan điểm, suy nghĩ và hay cãi vã nhau. Hiện nay ông đang chấp hành án tại **trại giam P- Cục C – Bộ C1**. Trong thời gian chấp hành án, bà **M** không đến thăm ông lần nào.

Nay ông nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với bà **M**.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà **Bùi Hồng M** và bị đơn ông **Nguyễn Duy N** có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bà **M** và ông **N** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **A** (nay là phường **A**), thành phố **B**, tỉnh **Bình Dương**. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa bà **M** và ông **N** là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà **M** trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khi về sống chung với nhau một thời gian thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau hay gây gổ dẫn đến cãi vã nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông **N** hay ghen tuông, xúc phạm bà. Hiện vợ chồng tôi đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân khoảng 04 đến 05 năm nay.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ông **N** trình bày: Giữa ông và bà **M** có bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, không thể sống chung nữa nên ông đồng ý ly hôn với bà **M**.

Xét thấy hai bên đương sự thừa nhận mâu thuẫn hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã xảy ra trong một thời gian dài nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Do đó, xét thấy cần chấp nhận cho bà **M** ly hôn với ông **N** để sớm ổn định cuộc sống giữa hai bên theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích như trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố **Bến Cát**, tỉnh **Bình Dương** là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà **Bùi Hồng M** phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Bùi Hồng M** đối với ông **Nguyễn Duy N** về việc: “Ly hôn”.

- Về hôn nhân: Bà **Bùi Hồng M** được ly hôn với ông **Nguyễn Duy N**.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà **Bùi Hồng M** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000939 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát (nay là **thành phố B**), **tỉnh Bình Dương**. Bà **M** đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- **Chi cục THADS thành phố B**;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đậu Thị Thảo**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG  
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

